

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2025

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Triệu Ngọc Vạn**.

2. Ông **Nguyễn Tất Trọng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Loan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Trung**- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST- HNGĐ ngày 07/5/2025 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị T, sinh năm 1981; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu C, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Hữu T1, sinh năm 1978; Vắng mặt lần thứ hai.

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Hữu T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã K (nay là Kiến P), huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống

của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Anh T1 là người thường xuyên rượu chè và có quan hệ ngoài luồng với người khác. Mặc dù, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ, bảo ban cho hai vợ chồng nhưng đều không được, anh T1 vẫn không thay đổi. Thời điểm cuối năm 2023 khi chị đang mang thai, vợ chồng xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Anh T1 đã đánh chị dẫn đến chị xảy thai, ngoài ra, anh T1 còn nhiều lần đánh chửi, đuổi chị vô cớ. Do quá chán nản nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Phú Thọ, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2024 đến nay, không đoàn tụ lần nào, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể cải thiện được nên khởi kiện xin ly hôn anh T1.

Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Hữu T1: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập anh T1 đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương xã K cung cấp: Anh T1, chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Thôn C, xã K, huyện N. Vợ chồng anh, chị mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Trước khi kết hôn với chị T thì anh T1 có 01 đời vợ, quá trình chung sống với vợ cũ, anh T1 là người vũ phu, gia trưởng, thường xuyên đánh chửi vợ cũ. Sau đó anh T1 và vợ cũ không chung sống với nhau được nữa và đã ly hôn tại Tòa án. Anh T1 là người có tính khí nóng nảy, thất thường, vũ phu từ trước nên việc chung sống với chị T khó có thể hòa hợp. Bên cạnh đó anh T1 là người thường xuyên rượu chè nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là không tránh khỏi. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Tại phiên tòa: Chị Hà Thị T, anh Đỗ Hữu T1 vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn. Xử cho chị Hà Thị Tuyết ly hôn anh Đỗ Hữu T1; Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Hà Thị T là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Hữu T1 là bị đơn; chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương: Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang. Chị Hà Thị T nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập anh T1 đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do. Chị T đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị T và anh Đỗ Hữu T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, huyện N nơi sinh sống của anh T1 tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2023, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

Chị T khởi kiện xin ly hôn, anh T1 biết rõ việc chị T khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. HĐXX thấy rằng, tại lời khai của chị T, biên bản xác minh ngày 20/3/2025 đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chị T và anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị T. Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T ly hôn anh T1.

- *Về quan hệ con chung:* Không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức:* Do các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí:* Chị Hà Thị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Hà Thị Tuyết ly H anh Đỗ Hữu T1.

2. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/24/0001506, ngày 10 tháng 02 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T, anh Đỗ Hữu T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Kiến Phúc, huyện Ninh Giang;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Bùi Quý Long

